

Bản án số: 76/2018/HSST.
Ngày 05 – 6 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Yêm.

2/ Bà Nguyễn Thị Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 01/6/2018 và ngày 05/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2018/HSST ngày 05/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn A (Nguyễn Như A)**, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Con ông: Nguyễn Như A1 và bà Nguyễn Thị A2 (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị A3, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; TATS: Danh chỉ bản số 052 do Công an huyện Đông Anh lập ngày 30/12/2017 và Trích lục tiền án, tiền sự số 1384927/PC53 ngày 07/02/2018 thể hiện bị cáo không có tiền sự và có 01 tiền án: Ngày 31/7/2014, TAND huyện Đông Anh tuyên phạt 24 tháng tù về tội Đánh bạc. Nhân thân không có tiền sự đã xóa và có 04 tiền án đã xóa gồm:

- Ngày 28/10/1998, TAND quận Cầu Giấy tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản XHCN.

- Ngày 24/12/1999, TAND Cầu Giấy tuyên phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích)

- Ngày 28/9/2009, TAND TP Hà Nội tuyên phạt 26 tháng tù về tội Đánh bạc (đã xóa án tích)

- Ngày 19/4/2002, TAND TP Hà Nội tuyên phạt 06 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích)

Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu B**, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Nguyễn Hữu B1 và bà Nguyễn Thị B2, có vợ là Đặng Thị B3, có 03 con, sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; TATS: Danh chỉ bản số 340 do Công an huyện Đông Anh lập ngày 07/8/2017 và Trích lục tiền án, tiền sự số 1245621/PC53 ngày 11/9/2017 thể hiện bị cáo không có tiền sự và tiền án. Nhân thân không có các tiền sự và tiền án đã được xóa.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Bùi Xuân C**, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Bùi Văn C1 và bà Nguyễn Thị C2; TATS: Danh chỉ bản số 341 do Công an huyện Đông Anh lập ngày 07/8/2017 và Trích lục tiền án, tiền sự số 1246403/PC53 ngày 11/9/2017 thể hiện bị cáo không có tiền sự và tiền án. Nhân thân không có các tiền sự đã được xóa và có 01 tiền án đã được xóa: Năm 2015, TAND huyện Đông Anh tuyên phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, 16 tháng thử thách về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Ngọc D**, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Lê Văn D1 và bà Nguyễn Thị D2; TATS: Danh chỉ bản số 091 do Công an huyện Đông Anh lập ngày 13/01/2018 và Trích lục tiền án, tiền sự số 1389273/PC53 ngày 05/02/2018 thể hiện bị cáo không có tiền sự và tiền án. Nhân thân không có các tiền sự đã được xóa và có 01 tiền án đã được xóa: Ngày 30/5/ 2011, Tòa phúc thẩm TANDTC tuyên phạt 05 tù giam về tội Giết người (Thời điểm phạm tội D dưới 16 tuổi nên được coi là người không có án tích theo quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu B và Bùi Xuân C: Luật sư Nguyễn Minh Long và luật sư Nguyễn Trung Tiệp – Công ty luật TNHH Dragon – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Người bị hại:

Anh Đinh Ngọc E, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn F, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Doãn H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1975.

3. Chị Bùi Thị I, sinh năm 1971 (vợ anh G).

Nơi cư trú: Thôn F, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà Bùi Thị K, sinh năm 1958 (mẹ anh E). Có mặt tại phiên tòa.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (vợ anh E). Vắng mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Thôn F, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Đinh Ngọc E vay tiền của Nguyễn Hữu B, hai bên có viết giấy vay nợ giao cho B giữ (B không nhớ để ở đâu). Sau nhiều lần trả tiền, tính đến tháng 4/2017 anh E còn nợ B 40.000.000 đồng, hai bên thống nhất mỗi tháng E sẽ trả nợ 5.000.000 đồng/1 tháng, bắt đầu từ ngày 25/6/2017. Đến tháng 7/2017 là hai tháng, anh E phải trả B 10.000.000 đồng. B đã nhiều lần đến nhà và gọi điện thoại giục anh E trả nợ nhưng anh E không trả tiền cho B.

Khoảng 20h00 ngày 25/7/2017, Nguyễn Hữu B gọi điện thoại cho Lê Ngọc D bảo xuống quán của B tại X, Y, Z, Hà Nội có việc. Sau khi nghe điện thoại, D rủ Bùi Xuân C đến quán của B, sau đó B, D, C cùng nhau đi 02 xe máy nhà anh Đinh Ngọc E đòi tiền nợ. Khi đến nhà anh E thấy anh E đang ngồi ở trong nhà cùng bà Bùi Thị K, sinh năm: 1958 (mẹ E) và chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986 (vợ anh E), B nói chuyện với anh E về việc trả tiền và bảo D điện thoại cho Nguyễn Văn A. D kết nối điện thoại di động với Nguyễn Văn A rồi chuyển máy cho anh E nghe. Anh E nói với A định gọi cho anh nhưng chưa gọi được. A nói đang ở gần đây, sẽ đến bây giờ. Khi đó A đang ngồi cùng anh Nguyễn Doãn H, sinh năm: 1981; trú tại X, Y, Z, Hà Nội, A rủ H đi cùng. Đến nhà anh E, A hỏi anh E về việc trả tiền cho B. Bà K (mẹ anh E) nói “em nó đang bệnh tật chưa đi làm được, để em nó khỏe đi làm rồi sẽ trả hết”. A tiếp tục hỏi “thế tình hình thế nào”. Anh E nêu lý do bị ốm, xin khất trả nợ sau thì A và B không đồng ý lao vào dùng chân tay đấm, đá anh E. Chị L (vợ anh E) lao vào can ngăn van xin A, B không đánh anh E thì Lê Ngọc D ngăn cản chị L không cho chị vào can A và B đang đánh anh E. Chị L chạy ra ngoài đường gọi người đến can ngăn. Bà K vào can ngăn van xin A, B nhưng bị D giữ hai tay không cho bà K vào ngăn cản A, B. Khi D buông tay bà K ra, bà K chạy vào phòng ăn để gọi điện thoại báo cho Công an xã Y. A và B tiếp tục đánh anh E ở góc nhà yêu cầu phải trả nợ ngay. Chị L quay vào trong nhà, thấy anh E vẫn đang bị A và B đánh nên lao vào can ngăn, bị Bùi Xuân C ngăn cản giữ vai chị L nhằm không cho chị L vào can ngăn A và B. Sau đó D và C đứng chặn trước chị L, bà Việt tại khu vực cầu thang không cho chị L, bà K vào can ngăn để giúp sức cho A và B đánh E đòi tiền.

Anh Nguyễn Văn G, sinh năm: 1975, chị Bùi Thị I, sinh năm: 1971 (vợ anh G) là hàng xóm nhà anh E đến và nói lời can ngăn nhưng A và B không nghe. Nghe thấy A vừa đánh vừa dọa giết anh E, anh G nói “mày đủ bản lĩnh, mày giết nó đi”. A thách thức anh G “tôi sợ gì mà tôi không dám giết, còn anh thích gọi công an hay bắt kỳ ai thì anh gọi”. Sau đó khi lực lượng công an xã Vĩnh Ngọc đến thì Nguyễn Văn A, Nguyễn Hữu B, Lê Ngọc D, Bùi Xuân C và Nguyễn Doãn H bỏ đi.

Kết quả xác minh thương tích của anh Đinh Ngọc E tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh như sau: Bệnh nhân vào viện lúc 23h30 ngày 25/7/2017 trong tình trạng tỉnh, huyết áp 110/70mmHg, đau ngực, đau đầu, không nôn, không sốt, không nhìn mờ, không liệt khu trú, bầm tím sung nề vùng trán phải, thái dương trái, bầm tím mắt phải, xung huyết võng mạc phải. Xquang sọ thẳng nghiêng, ngực thẳng, khớp vai thẳng không thấy tổn thương. Tại Bản kết luận giá m định số 827/TTPY, ngày 20/9/2017, Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận tỷ lệ tổn hại sức khỏe của anh Đinh Ngọc E là 03% (ba phần trăm).

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 11/8/2017, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can, tạm giam đối với Nguyễn Hữu B, Bùi Xuân C và khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn A về tội Cướp tài sản. Ngày 02/11/2017, khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Ngọc D về tội Cướp tài sản.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn A đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh ra quyết định truy nã. Ngày 28/12/2017, Nguyễn Văn A bị Công an huyện Đông Anh bắt theo quyết định truy nã số 13 ngày 25/8/2017 của Cơ quan điều tra – Công an huyện Đông Anh.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động Nokia C1, vỏ màu đen, số thuê bao: 0968690407, 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ màu đỏ, số thuê bao: 0973567999 (của Bùi Xuân C)

- 01 (một) điện thoại di động Nokia 515, vỏ máy màu vàng, trắng, số thuê bao 0983643386 (của Nguyễn Hữu B)

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, vỏ máy màu trắng, số thuê bao: 09366804888 (của Nguyễn Doãn H)

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, vỏ máy màu vàng, ốp máy màu đen, (của Nguyễn Doãn H)

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ máy màu đỏ, số thuê bao: 0971288866, - 01 (một) điện thoại di động Nokia 216, vỏ máy màu đen, số thuê bao: 0985656886, số thuê bao: 0971288866, 01 (một) điện thoại di động Nokia 130, số thuê bao 0985656886 Tiền mặt: 50.000 đồng (của Lê Ngọc D)

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu Nguyễn Hữu B, Bùi Xuân C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra, Lê Ngọc D không nhận hành vi ngăn cản bà K, chị L nhằm giúp sức cho A và B đánh anh E chiếm đoạt tài sản, D khai biết anh E nợ tiền B và A, khi A và B đánh anh E nhằm chiếm đoạt tài sản, D không có hành

động gì vì cho rằng việc anh E nợ tiền đến hạn không trả thì bị đánh. Nếu anh E có hành động đánh lại B và A thì D sẽ vào giúp sức B và A đánh anh E. Riêng Nguyễn Văn A không khai nhận hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu B và Bùi Xuân C phản cung, không thừa nhận hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Doãn H có mặt tại nhà anh Đinh Ngọc E nhưng tài liệu điều tra không có căn cứ kết luận H đồng phạm tội Cướp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các điện thoại di động: 01 (một) Nokia C1, vỏ màu đen, số thuê bao: 0968690407; 01 (một) Iphone 7 Plus, vỏ màu đỏ, số Imeil: 355353083151609, số thuê bao: 0973567999 (của Bùi Xuân C); 01 (một) Iphone 6, vỏ máy màu trắng, số thuê bao: 09366804888; 01 (một) Iphone 6, vỏ máy màu vàng, ốp máy màu đen (của Nguyễn Doãn H); 01 (một) Nokia 216, vỏ máy màu đen, số thuê bao: 0985656886; 01 (một) Nokia 130, số thuê bao 0985656886; Tiền mặt: 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) (của Lê Ngọc D); không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho các chủ sở hữu. Riêng C và D đang bị tạm giam nên trao trả bà Nguyễn Thị C2 (mẹ của C), bà Nguyễn Thị D2 (mẹ của D).

Đối với điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ máy màu đỏ, số thuê bao: 0971288866 (của Lê Ngọc D); điện thoại di động Nokia 515, vỏ máy màu vàng-trắng, số thuê bao 0983643386 (của Nguyễn Hữu B) các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng của vụ án đã chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Về phần dân sự, anh Đinh Ngọc E yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.956.700 đồng (tiền thuốc men điều trị và tiền công làm việc khi anh E nghỉ làm) và đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo A, B, C, D trước pháp luật. Các bị cáo chưa bồi thường.

Tại phiên tòa:

Bị cáo D khai: Khi B gọi điện thoại cho D bảo đến quán của B để đi cùng có việc thì D đang ngồi uống bia cùng C nên rủ C chở đi nhưng không biết B rủ đi có việc gì. Khi D và C đến gặp B thì B bảo đi đến F và chở D đi còn C đi phía sau. Khi cả ba đến nhà anh E thì qua nội dung B trao đổi với anh E, D hiểu được là B đến đòi tiền anh E. Hai bên lời qua Ag lại và B có bảo D gọi điện thoại cho cậu A của B và đưa điện thoại cho A nói chuyện với anh E. Do D không để ý nên không nhớ cụ thể nội dung lời nói của các bên. Một lúc sau A và H đi cùng nhau vào nhà anh E hai bên nói chuyện về chuyện trả tiền, anh E khát nợ. Sau đó D có nhìn thấy A và B tát vào đầu và lưng anh E tại chỗ ghế ngồi. Sau đó khi anh E ngồi ở góc nhà nơi để kệ ti vi thì lại bị A và B đánh. Khi A và B đánh anh E bị cáo D chỉ đứng nhìn vì cho rằng anh E nợ tiền không trả bị đánh không liên quan đến mình nhưng khi chị L vợ anh E lao vào đánh B khi B đang đánh anh E thì D lao vào kéo anh B

và chị L ra không cho đánh nhau. D nhận thức được hành vi của mình là nhằm giúp cho A và B dễ dàng thực hiện việc đánh anh E để đòi tiền nợ của anh và biết mình vi phạm pháp luật mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo B khai: B gọi điện thoại rủ D đi có việc, khi D đến thì có C đi cùng. B bảo D sang xe của B để đi có việc và C đi theo sau. Khi đi ngang qua F nhớ ra việc anh E nợ tiền đến hẹn chưa trả nên B rẽ vào nhà anh E để đòi tiền. Khi đến nhà anh E có anh E và mẹ, vợ anh E cùng các con anh E đang ở trong nhà ngoài ra trong nhà không còn ai khác. B đòi tiền anh E thì anh E không trả nên hai bên lời qua tiếng lại và B bảo D gọi điện thoại cho cậu A của B (tức Nguyễn Văn A) bảo D đưa điện thoại cho E nói chuyện với A. Một lúc sau A và H đến. Khi đến A ngồi cạnh E trên ghế dài sát tường tại bàn uống nước và nói chuyện bảo E trả tiền nhưng E không trả nên A đánh E. B lôi tay E kéo ra ngoài nhưng anh E không ra mà vùng chạy vào góc tường sát kệ ti vi ngồi tại đó và B, A và đánh anh E tại đây. Chị L lao vào đập vào đùi B và B đánh trả chị L thì D và C can hai bên ra. B xác định các lời khai của mình tại cơ quan điều tra là đúng sự thật không bị ép cung, mớm cung. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo C khai: Bị cáo thừa nhận các lời khai của mình tại cơ quan điều tra là đúng sự thật. Khi B gọi điện cho D bảo đến quán của B thì D và C đang uống bia cùng nhau nên C chở D đến quán của B. Tại đây B rủ D đi có việc và D sang xe của B còn C đi theo phía sau. Khi đến nhà anh E, C ngồi ở cửa gần bàn uống nước để hút thuốc lá. Khi các bên nói chuyện với nhau C biết là B đòi tiền anh E nhưng anh E không trả nên hai bên lời qua tiếng lại và khoảng 20 phút sau A đi cùng H đến và A, B đánh E. Khi A, B đánh E thì C chỉ đứng nhìn và khi thấy chị L vợ anh E xông vào đập vào đùi B thì C và D vào kéo hai bên ra. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo A xác định: Do A và B là cậu cháu nên khi B gọi điện cho A bảo có va chạm ở F thì A đã đến. Khi A vừa vào đến nhà thì mẹ anh E bảo: Chúng mày kéo đến đông định ăn thịt con tao à và anh E cũng có thái độ thách thức nên A bực mình đánh anh E. A không nhớ khi đánh anh E A nói gì. A nhận thức hành vi của mình đánh anh E khi anh không có tiền trả để buộc anh phải trả tiền là vi phạm pháp luật và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình.

Người bị hại anh Đinh Ngọc E khai: Anh nợ B 40.000.000 đồng và hẹn B vào ngày 25 hàng tháng anh trả cho B 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả là ngày 25/4/2017. Tuy nhiên ngày 25/4/2017 anh E không có tiền trả B nên đã khát nợ, đến ngày 25/7/2017 khi B đến đòi tiền anh cũng chưa có nên khát nợ nhưng B không đồng ý và đã cùng A đánh anh. Khi bị A và B đánh anh chỉ ngồi im không dám chống trả vì các bị cáo đến đông và đều to khỏe hơn anh. Khi bị đánh ở góc kệ ti vi anh có nhìn thấy D và C giữ tay không cho mẹ và vợ anh chạy vào can. Sau khi bị đánh anh đi khám chữa tại bệnh viện và nghỉ làm nên anh yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh số tiền 4.956.700 đồng. Trước khi diễn ra phiên tòa gia đình các bị cáo đã gặp anh xin lỗi và bồi thường tổng cộng là 8.000.000 đồng nên nay anh không yêu cầu gì thêm về phần dân sự mà chỉ đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ tối đa có thể cho các bị cáo vì sự việc xảy ra một phần cũng có lỗi của anh, vay tiền hẹn trả mà không thu xếp trả được.

Những người làm chứng giữ nguyên lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra.

Luật sư Nguyễn Trung Tiệp bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu B và Bùi Xuân C trình bày lời bào chữa xác định: Về tội danh: Các cơ quan tố tụng đã hình sự hóa quan hệ pháp luật dân sự vì anh E nợ tiền B không trả nên B đòi và hai bên lời qua Ag lại và do thiếu hiểu biết pháp luật không kiểm soát được hành vi nên đã xô xát với nhau. Về hành vi dùng vũ lực: Các bị cáo có dùng vũ lực đối với người bị hại nhưng chưa làm anh E lâm vào tình trạng không thể chống cự được cũng như tê liệt về mặt ý chí. Các bị cáo không ép anh E ký giấy tờ nhận nợ, không cưỡng đoạt hay lấy đi bất kỳ tài sản nào của người bị hại mà chỉ dùng vũ lực khi đi đòi nợ mà bị khép vào tội cướp do tội này có cấu thành hình thức là mang tính áp đặt. Về mặt ý thức chủ quan: Anh E có vay tiền của B và hẹn trả nợ vào ngày 25/7/2017 vì vậy B đến hỏi E về thời gian trả nợ chứ không có động cơ mục đích ép nhận nợ nên trong trường hợp này người bị hại mà bị đánh có thương tích thì hành vi của các bị cáo chỉ phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” hay “Gây rối trật tự công cộng”. Về hành vi của B và C trong vụ án: C không biết mục đích của B đến nhà E để làm gì, không có quan hệ gì với anh E mà chỉ là bạn của D. Khi đến nhà E các bên xô xát C chỉ chứng kiến và vào can để hai bên không đánh nhau. Vì vậy C không hề có hành vi xâm hại đến sức khỏe, thân thể, ý chí của người bị hại nên không thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội phạm. Về hành vi của B: B đánh người bị hại là do anh E có lời lẽ thách thức, xúc phạm trước nên B mới đánh anh E. Trong vụ án này C, B có vai trò thứ yếu chỉ là người giúp sức về mặt tinh thần còn A và B là người thực hành tích cực. Về các tình tiết giảm nhẹ: Gia đình B đã

bồi thường khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền liên quan đến việc anh E bị tổn hại sức khỏe nên đề nghị cho các bị hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Vụ án chưa gây thiệt hại lớn về hậu quả nên đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm h Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”; Bị cáo B có nhân thân tốt, anh E có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho B, ông nội và cụ chị B3 (vợ B) là những người có công với cách mạng nên bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo C có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo về tội danh “Cố ý gây thương tích” hoặc “Gây rối trật tự công cộng”; Áp dụng Điểm b, x, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 2, Khoản 3 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Mục 4 Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao cho bị cáo B được hưởng án treo và bị cáo C được hưởng mức án thấp nhất.

Luật sư Nguyễn Minh Long bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu B và Bùi Xuân C trình bày lời bào chữa xác định: Cáo trạng buộc tội các bị cáo quá nặng. Người bị hại cũng có lỗi vì tháng 4 đã hẹn trả nợ nhưng không trả đến tháng 5 cũng lại hẹn mà không trả nên B mới đến đòi và xảy ra sự việc xô xát. Lời khai của chị L, bà K và người bị hại đều có những mâu thuẫn với nhau. C có bút lục khai nhận các hành vi của mình nhưng cũng có bút lục không khai nhận mà khai là chỉ can ngăn A, B, chị L để cho các bên không đánh nhau. Do vậy buộc C, D là đồng phạm là gượng gạo và không đủ căn cứ pháp luật. Có bút lục thể hiện bà K khai B là người cầm tay ngăn cản bà vào can khi E bị đánh chứ không phải D, C do vậy D và C không đồng phạm tội Cướp tài sản. Hơn nữa hành vi của các bị cáo trong vụ án này chưa cấu thành tội cướp vì các bị cáo đánh nhưng không ép người bị hại phải hẹn trả nợ, viết giấy nhận nợ... Do vậy đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung xác định các bị cáo không phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 02/4/2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A (Nguyễn Như A), Nguyễn Hữu B, Bùi Xuân C, Lê Ngọc D về tội Cướp tài sản theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Nguyễn Văn A (Nguyễn Như A) : Từ 04 năm đến 04 năm 04 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nguyễn Hữu B: Từ 39 tháng đến 45 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bùi Xuân C: Từ 37 tháng đến 40 tháng tù.

Áp dụng Khoản Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Lê Ngọc D: Từ 28 tháng đến 34 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Không.

Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên không giải quyết.

Về phần vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ máy màu đỏ; 01 điện thoại di động Nokia 515, vỏ máy màu vàng-trắng. Tịch thu tiêu hủy 01 số thuê bao: 0971288866 (của Lê Ngọc D); 01 số thuê bao 0983643386 (của Nguyễn Hữu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh , Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh , Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình tòa án thụ lý vụ án, luật sư bào chữa cho các bị cáo C và B có gửi đơn khiếu nại đối với Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra – Công an huyện Đông Anh , Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tuy nhiên việc giải quyết khiếu nại đối với các văn bản tố tụng này thuộc thẩm quyền của các cơ quan ban hành các văn bản này theo quy định chung. Sau khi nghiên cứu hồ sơ Tòa án Đông Anh tiến

hành mở phiên toà xét xử theo thủ tục chung để các bên tham gia tố tụng tranh tụng công khai tại phiên toà.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 20h00' ngày 25/7/2018, tại nhà anh Đinh Ngọc E ở thôn F, X, Z, Hà Nội, các bị cáo Nguyễn Văn A (tức Nguyễn Như A), Nguyễn Hữu B có hành vi sử dụng vũ lực (dùng chân tay) tấn công anh Đinh Ngọc E, dồn anh vào góc nhà nhằm bắt anh E trả số tiền 10.000.000 đồng mà anh E nợ các bị cáo. Các bị cáo Bùi Xuân C, Lê Ngọc D có hành vi ngăn cản bà Bùi Thị K (mẹ anh E) và chị Nguyễn Thị L (vợ anh E) không cho bà Việt và chị L vào can ngăn, giúp sức cho A và B tấn công anh E nhằm chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo đều thừa nhận khi đến nhà anh E thì trong nhà chỉ có anh E, mẹ và vợ anh E cùng các con anh E đều còn nhỏ. Như vậy các bị cáo đồng người đều là thanh niên và so về vóc dáng đều to khỏe hơn anh E còn trong nhà anh E chỉ có anh là đàn ông lại nhỏ bé hơn nhiều so với các bị cáo còn lại là phụ nữ và trẻ em. Khi A, B đánh anh E, anh không chống trả mà chỉ ngồi im chịu trận như vậy cho thấy anh E đã mất hoàn toàn khả năng chống trả. Chỉ có mẹ và vợ anh E vào can nhưng không can được vì C và D ngăn cản. Bị cáo C và D không thừa nhận ngăn cản bà K, chị L vào can B, A đánh anh E mà chỉ thừa nhận là can B và chị L ra khi chị L xông vào đập vào đùi B và B định đánh lại chị L. C và D có mặt từ đầu khi hai bên nói nhau và A, B đánh anh E nhưng chỉ đứng nhìn không can ngăn mà chỉ đến khi chị L vào đánh B thì D và C mới vào can thiệp như vậy cho thấy rõ ý chí của D và C chỉ can thiệp khi thấy những người đi cùng mình bị bất lợi còn khi họ đánh anh E thì hoàn toàn không có ý định can thiệp mà chỉ đứng nhìn do vậy C và D có vai trò giúp sức cho B.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Sơ đồ hiện trường, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà. Các bị cáo thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công anh E để nhằm chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 25/7/2017 là trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, có mức hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù. Tuy nhiên ngày 02/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 theo nguyên tắc có lợi cho bị can để truy tố các bị cáo về tội Cướp tài sản theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 với mức hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù (quy định của Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bỏ hình phạt tử hình đối với tội này) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách hình sự của nhà nước. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn A (Nguyễn Như A), Nguyễn Hữu B, Bùi Xuân C, Lê Ngọc D phạm tội Cướp tài sản theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy nhiên khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo cần phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án để đảm bảo tính công bằng. Bị cáo Nguyễn Hữu B là người có quan hệ vay nợ và có mục đích đi đòi nợ anh E và rủ các bị cáo khác đi cùng, trực tiếp thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công anh E khiến anh E D vào tình trạng không thể chống cự được; Bị cáo Nguyễn Văn A được B rủ đến nhà anh E và cùng B đánh anh E để bắt anh E trả tiền nên A là đồng phạm giúp sức với vai trò thực hành; Bùi Xuân C và Lê Ngọc D đi theo B đến nhà anh E và chỉ ngăn cản mẹ và vợ anh E khi họ vào can ngăn không cho A, B đánh E nên vai trò của C và D trong vụ án chỉ là đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần, có mức độ vai trò thấp hơn so với A và B.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Bị cáo A có 01 tiền án về tội Đánh bạc (bản án số 121/2014/HSST ngày 31/7/2014 của TAND huyện Đông Anh, đã chấp hành xong hình phạt chính là 02 năm tù từ ngày 02/5/2016 theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù của Trại giam Phú Sơn 4). Theo quy định của Điều 70, 73 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thời hạn để xóa án tích đối với A là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, như vậy phải đến hết ngày 02/5/2018 A mới được xóa án tích đối với bản án này nhưng ngày 25/7/2017 A đã thực hiện hành vi phạm tội bị truy tố nên lần phạm tội này của A bị xác định là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy A phải chịu tình tiết tăng nặng là Tái phạm theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo C có 01 tiền án về tội Đánh bạc (bản án số 110/2015/HSST ngày 17/9/2015 của TAND huyện Đông Anh, tuyên phạt C 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án). Theo quy định của Điều 70, 73 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thời hạn để xóa án tích đối với C là 01 năm kể từ ngày hết thời gian thử thách của án treo, như vậy phải đến hết ngày 17/11/2017 C mới được xóa án tích đối với bản án này nhưng ngày 25/7/2017 C đã thực hiện hành vi phạm tội bị truy tố nên lần phạm tội này của C bị xác định là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy C phải chịu tình tiết tăng nặng là Tái phạm theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo khác không phải chịu các tình tiết tăng nặng theo quy định của Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân bị cáo B không có án tích và bị cáo D được coi là không có án tích (Bị cáo D có 01 tiền án: ngày 30/5/2011, Tòa phúc thẩm TANDTC tuyên phạt 05 tù giam về tội Giết người và được đặc xá ngày 30/8/2013. Tuy nhiên thời điểm phạm tội D dưới 16 tuổi nên được coi là người không có án tích theo quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015) và có tình tiết giảm

nhẹ: Do các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại theo Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận các hành vi đã thực hiện và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, người bị hại là anh E có lời khai xin đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đến mức thấp nhất có thể nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo C có bố là ông Bùi Xuân C1 (Bùi Văn C1) được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 vì theo quy định tại điểm này thì người phạm tội phải là người có công hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, do vậy bị cáo C không đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Bị cáo D có bà nội Hoàng Thị D4 và chồng của bà D4 là liệt sĩ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B có vợ là Đặng Thị B3 và gia đình chị B3 có cụ của chị B3 là cụ Kim Thị B4 được tặng bằng có công với nước, ông nội chị B3 là Đặng Văn B5 là liệt sĩ, được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi và giảm nhẹ một phần cho các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là anh Đinh Ngọc E số tiền 8.000.000 đồng và anh E không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, không ai đề nghị Tòa án giải quyết về phần dân sự nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ máy màu đỏ; 01 điện thoại di động Nokia 515, vỏ máy màu vàng-trắng. Tịch thu tiêu hủy 01 số thuê bao: 0971288866 (của Lê Ngọc D); 01 số thuê bao 0983643386 (của Nguyễn Hữu B). (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao ngày 04/4/2018 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn A (Nguyễn Như A), Nguyễn Hữu B, Bùi Xuân C và Lê Ngọc D phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 168, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14. Đối với bị cáo A, C áp dụng Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo D áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

Nguyễn Văn A (Nguyễn Như A) 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2017.

Nguyễn Hữu B 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2017.

Bùi Xuân C 37 (ba mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2017.

Lê Ngọc D 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần dân sự: Các bên đã tự bồi thường cho nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ máy màu đỏ; 01 điện thoại di động Nokia 515, vỏ máy màu vàng-trắng. Tịch thu tiêu hủy 01 số thuê bao: 0971288866 (của Lê Ngọc D); 01 số thuê bao 0983643386 (của Nguyễn Hữu B). (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao ngày 04/4/2018 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án../.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Trại tạm giam số I Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN:

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ:

Nguyễn Thị Thu G

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Z;
- Công an huyện Z;
- Trại tạm giam số I Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu G

